ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 3241 /QĐ-UBND	*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3633/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2020 của tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 534/TTr-SNV ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt Quyết định ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2020 (gọi tắt là Bộ chỉ số CCHC), áp dụng cho:

- Bảng 1: các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh.

- Bảng 2: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Bảng 3: UBND các xã, phường, thị trấn.

- Nhóm các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: năm 2020 thực hiện điều tra, khảo sát xã hội học xác định mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính để xác định kết quả công tác CCHC.

Điều 2. Nhiệm vụ triển khai thực hiện:

1. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Bộ chỉ số trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch, triển khai thực hiện và

công bố kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch xác định kết quả chỉ số CCHC năm 2020 của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn đảm bảo khách quan, khoa học.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân liên quan phục vụ cho công tác đánh giá, xếp hạng Bộ chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh.

d) Vận hành phần mềm công nghệ thông tin phục vụ cho việc theo dõi, cập nhật, đánh giá và lưu trữ cơ sở dữ liệu về Bộ chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh đảm bảo thuận lợi, hiệu quả.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC hàng năm, báo cáo kết quả về Tổ đánh giá chấm điểm của tỉnh qua phần mềm hoặc thông qua Sở Nội vụ khi có yêu cầu.

3. Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Sở Nội vụ và đơn vị thực hiện khảo sát khi tiến hành điều tra, khảo sát xã hội học.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả CCHC trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTr. TU, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo BRVT; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu VT, SNV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Tuấn

UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bảng 1

BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHO KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Ban hành kèm theo Quyết định số 3241 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
I	**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH**	**65**	
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**	**11,5**	
1.1	**Xây dựng và thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm**	**2**	
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	1	
	Đúng quy định (trước 30/12 năm trước liền kề, đảm bảo đúng nội dung, đầy đủ các nhiệm vụ, thời gian, kết quả hoàn thành): 1		
	Đúng về thời gian hoặc đúng về nội dung: 0,5		
	Không đạt yêu cầu (cả thời gian và nội dung): 0		
1.1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	1	
	Thực hiện 100% nội dung kế hoạch đề ra: 1		
	Thực hiện từ 80% đến dưới 100%: [tỷ lệ %] x 1		
	Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0		
1.2	**Thực hiện báo cáo kết quả CCHC** *(Tất cả báo cáo CCHC đầy đủ số lượng, đảm bảo thời gian, các mục nội dung theo quy định của UBND tỉnh)*	**1**	
	Đạt yêu cầu (đúng thời gian, nội dung, số lượng): 1		
	Không đạt 1 trong 3 yêu cầu: 0,5		
	Không đạt từ 2 yêu cầu: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
1.3	**Thực hiện kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc có thực hiện các nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính hoặc các Phòng chuyên môn** *(kiểm tra đạt 50% trở lên; riêng ngành Y tế, Giáo dục tỷ lệ kiểm tra từ 30%)*	**2**	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1	
	Từ 50% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1		
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0		
1.3.2	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1	
	Đạt: 1		
	Không đạt: 0		
1.4	**Quán triệt, tuyên truyền công tác CCHC đến công chức-viên chức và tổ chức, cá nhân**	**1**	
1.4.1	Mức độ đa dạng hình thức tuyên truyền CCHC	0,5	
	Từ 03 hình thức trở lên: 0,5		
	Dưới 03 hình thức: 0		
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	
	Thực hiện 100% kế hoạch: 0,5		
	Thực hiện dưới 100% kế hoạch: 0		
1.5	**Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện CCHC**	**4**	
1.5.1	Thực hiện mệnh lệnh hành chính cấp trên *(thể hiện qua phần mềm chỉ đạo điều hành và kết quả theo dõi, tổng hợp của UBND tỉnh)*	2	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời 100% nhiệm vụ: 2		
	Thực hiện kịp thời từ 50% đến dưới 100%: [tỷ lệ%] x 2		
	Thực hiện không kịp thời dưới 50%: 0		
1.5.2	Xử lý thông tin phản ánh trên Đường dây nóng của lãnh đạo tỉnh *(thể hiện qua phần mềm và kết quả theo dõi, tổng hợp của UBND tỉnh)*	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời: 0		
1.5.3	Thực hiện quy chế tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định.	1	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 1		
	Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
1.5.4	Có đưa nội dung cải cách hành chính để đánh giá, kiểm điểm trong các cuộc họp giao ban quý định kỳ và được thông báo kết luận chỉ đạo bằng văn bản	0,5	
	Có: 0,5		
	Không: 0		
1.6	**Triển khai một số chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC**	**1,5**	
1.6.1	Triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC	1	
	Triển khai đầy đủ, kịp thời bằng văn bản (Tối đa 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản) : 1		
	Không triển khai đầy đủ, kịp thời: 0		
1.6.2	Tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm về kết quả chỉ số đã công bố:	0,5	
	Có tổ chức quán triệt: 1		
	Không tổ chức quán triệt: 0		
2	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**7**	
2.1	**Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**	**2**	
2.1.1	Xây dựng văn bản QPPL được giao, quy định đảm bảo đúng tiến độ về thời gian	1	
	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1		
	Từ 80 đến dưới 100% số văn bản đúng tiến độ: 0,5		
	Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL đúng quy định của Luật ban hành văn bản QPPL	1	
	100% VBQPPL xây dựng đúng quy trình: 1		
	Dưới 100% VBQPPL xây dựng đúng quy trình: 0		
2.2	**Theo dõi thi hành pháp luật**	**1,5**	
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1	
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1		
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0		
2.2.2	Báo cáo và kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Thực hiện không đầy đủ, kịp thời: 0		
2.3	**Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật**	**1,5**	
2.3.1	Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP *(thể hiện bằng việc xây dựng và thực hiện kế hoạch)*	1	
	Thực hiện 100% kế hoạch: 1		
	Thực hiện từ 80 dưới 100%: 0,5		
	Thực hiện dưới 80%: 0		
2.3.2	Có phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập hoặc không còn phù hợp (nếu có) *(thể hiện bằng văn bản kiến nghị hoặc chỉ đạo xử lý)*	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
2.4	**Trách nhiệm tự kiểm tra việc ban hành, tham mưu ban hành văn bản QPPL**	**1**	
	Tự kiểm tra và xử lý tốt:1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Không tự kiểm tra, không phát hiện trong khi cơ quan cấp trên phát hiện sai sót: 0		
2.5	**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**	**1**	
2.5.1	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch theo Kế hoạch của tỉnh	0,5	
	Có ban hành và triển khai: 0,5		
	Không ban hành hoặc không triển khai thực hiện: 0		
2.5.2	Báo cáo đầy đủ nội dung, đúng mẫu quy định (đầy đủ Phụ lục kèm theo) và đúng thời gian quy định	0,5	
	Báo cáo đạt yêu cầu: 0,5		
	Báo cáo không đạt yêu cầu: 0		
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**5**	
3.1	**Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)**	**1,5**	
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	0,5	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5		
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0		
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1	
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
3.2	**Công bố, cập nhật thủ tục hành chính**	**2**	
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Bộ, ngành	1	
	Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1		
	Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0		
3.2.2	Cập nhật kịp thời, công khai đầy đủ TTHC tại Trang thông tin điện tử của cơ quan và Trung tâm Phục vụ hành chính công.	1	
	Kịp thời: 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Không kịp thời: 0		
3.3	**Đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ trong năm**	**0,5**	
	Có đơn giản hơn: 0,5		
	Giữ nguyên như quy định hiện hành: 0		
3.4	**Có kiến nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC so với quy định**	**1**	
	Từ 30% TTHC trở lên: 1		
	Dưới 30% TTHC: 0		
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**	**4**	
4.1	**Đảm bảo thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức Bộ máy, tổ chức Biên chế theo Kế hoạch và lộ trình tại Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII)**	**2**	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		
4.2	**Đảm bảo thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức Bộ máy, tổ chức Biên chế theo Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XII** (*Đối với các đơn vị không có đơn vị sự nghiệp trực thuộc được điểm tối đa tiêu chí này*)	**1**	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
4.3	**Có rà soát đánh giá thực hiện việc phân cấp ủy quyền hàng năm, có kiến nghị đề xuất việc phân cấp QLNN thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ**	**1**	
	Thực hiện đầy đủ các quy định (triển khai, kiểm tra, báo cáo..): 1		
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0		
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**11,5**	
5.1	**Đảm bảo quản lý, sử dụng biên chế, công chức-viên chức và lao động đúng quy định**	**8,5**	
5.1.1	Thực hiện tuyển dụng, bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và Khung năng lực công chức đã được phê duyệt, không có hợp đồng ngoài quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tuyển dụng, bố trí viên chức theo quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp không có hợp đồng ngoài quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.3	Thực hiện đầy đủ quy trình tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức; ký kết hợp đồng làm việc đối với đối tượng Hợp đồng theo Nghị định số 68 và 161 của Chính phủ	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.4	Đăng ký nhu cầu tuyển dụng Công chức; xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyển dụng Viên chức khi còn biên chế	0,5	
	Có thực hiện: 0,5		
	Không thực hiện: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
5.1.5	Thực hiện bố trí, cơ cấu trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương đảm bảo quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.6	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương	1	
	100% được bổ nhiệm đúng quy định: 1		
	Dưới 100% được bổ nhiệm đúng quy định: 0		
5.1.7	Báo cáo thực hiện quản lý CBCCVC hàng năm đúng hạn và đầy đủ nội dung quy định	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.8	Thực hiện quy định về đánh giá phân loại CCVC trong cơ quan, đơn vị	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.9	Tinh giản biên chế theo đúng lộ trình đã được UBND tỉnh giao	1	
	Hoàn thành 100%: 1		
	Hoàn thành dưới 100%: 0		
5.1.10	Xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, luân chuyển trong cơ quan, đơn vị	1	
	Hoàn thành 100%: 1		
	Hoàn thành dưới 100%: 0		
5.2	**Về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức**	**1,5**	
5.2.1	Xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm kịp thời, đảm bảo chất lượng	0,5	
	Đạt: 0,5		
	Chưa đạt: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
5.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt	1	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1		
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100%: 0,5		
	Hoàn thành dưới 80%: 0		
5.3	**Công chức thuộc thẩm quyền quản lý bị xử lý vi phạm kỷ luật trong năm**	**1**	
	Không có: 1		
	Có: 0		
5.4	**Tỷ lệ cập nhật phần mềm quản lý CBCCVC tại cơ quan, đơn vị**	**0,5**	
	Cập nhật đầy đủ: 0,5		
	Cập nhật chưa đầy đủ: 0		
6	**CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**	**6,5**	
6.1	**Thực hiện Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**	**2**	
6.1.1	Xây dựng Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1	
	Có xây dựng: 1		
	Không xây dựng: 0		
6.1.2	Công khai ngân sách	0,5	
	Có thực hiện công khai: 0,5		
	Không thực hiện công khai: 0		
6.1.3	Công khai tài sản công	0,5	
	Có thực hiện công khai: 0,5		
	Không thực hiện công khai: 0		
6.2	**Công khai Thu nhập cá nhân hàng năm**	**0,5**	
	Đúng quy định: 0,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Không đúng quy định: 0		
6.3	**Kết quả chi thu nhập tăng thêm**	**1,5**	
	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng tăng từ 1 lần trở lên so với mức tiền lương cơ sở: 1,5		
	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng từ 0,5 đến dưới 1 lần so với mức tiền lương cơ sở: 1		
	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng dưới 0,5 lần so với tiền mức tiền lương cơ sở : 0		
6.4	**Báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý cấp trên**	**0,5**	
	Đúng hạn: 0,5		
	Không đúng hạn: 0		
6.5	**Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**	**1**	
	Có xây dựng và triển khai hiệu quả: 1		
	Không xây dựng hoặc không triển khai hiệu quả: 0		
6.6	**Công khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.**	**1**	
	Có thực hiện: 1		
	Không thực hiện: 0		
7	**HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**	**11**	
7.1	**Ứng dụng CNTT, Hiện đại hóa quản lý của cơ quan, đơn vị**	**9**	
	Sử dụng Kết quả Chỉ số Ứng dụng CNTT (ICT) do Sở Thông tin và Truyền Thông chấm và thẩm định, công bố hằng năm theo Bộ Tiêu chí ICT của tỉnh. *Điểm đạt được = (Điểm ICT x 9)/100*		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
7.2	**Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động quản lý hành chính**	**2**	
7.2.1	100% số thủ tục hành chính được xây dựng và áp dụng quy trình ISO	1	
	Đạt: 1		
	Chưa đạt: 0		
7.2.2	Công bố kịp thời, vận hành nghiêm túc quy trình đã công bố	1	
	Đạt: 1		
	Chưa đạt: 0		
8	**THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG**	**8,5**	
8.1	**Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông so với tổng số TTHC đã được công bố** *(trừ một số TTHC không thực hiện tại BPMC theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP hoặc theo quyết định của UBND tỉnh)*	**2**	
	Đạt 100%: 2		
	Từ 80% đến dưới 100%:1		
	Dưới 80%: 0		
8.2	**Cử công chức, viên chức đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đảm bảo về thời gian, trình độ chuyên môn và nhận hồ sơ đúng thành phần theo quy định.**	**1**	
	Đạt yêu cầu: 1		
	Không đạt yêu cầu: 0		
8.3	**Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với dịch vụ hành chính công của đơn vị**	**1,5**	
8.3.1	Có xây dựng và triển khai Kế hoạch khảo sát, công khai kết quả đến tổ chức, cá nhân *(Sở, ngành thực hiện tối thiểu 01 hình thức, không tính khảo sát của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)*	1	
	Có thực hiện: 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Không thực hiện: 0		
8.3.2	Tổ chức phổ biến, nhắc nhở rút kinh nghiệm hoặc thông báo bằng văn bản về kết quả góp ý	0,5	
	Có thực hiện: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
8.4	**Thời gian giải quyết hồ sơ đúng và sớm hạn**	**3**	
	Đúng và sớm hẹn đối với 100% hồ sơ: 3		
	Đúng và sớm hẹn từ 80% đến dưới 100% hồ sơ: = [tỷ lệ%] x 3		
	Đúng và sớm hẹn dưới 80%: 0		
8.5	**Thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích từ 10% số hồ sơ phát sinh trong năm.**	1	
	Thực hiện từ 10% số hồ sơ phát sinh: 1		
	Thực hiện dưới 10% số hồ sơ phát sinh: [tỷ lệ %] /10%		
II	**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - ĐIỀU TRA KHẢO SÁT XÃ HỘI HỌC**	**35**	
1	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)**	**17**	
1.1	***Tiếp cận Dịch vụ (qua Website, dịch vụ BCCI,..)***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.2	***Sự hài lòng của tổ chức, công dân về TTHC, DVC của đơn vị (thành phần hồ sơ, lệ phí, thời gian)***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.3	***Tinh thần trách nhiệm của CBCCVC tiếp nhận, hướng dẫn và trả kết quả***	*4*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 4		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
1.4	***Sự hài lòng của người dân về kết quả giải quyết TTHC (đúng quy định, đảm bảo thời gian, cảm nhận sự thay đổi)***	*5*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 5		
1.5	***Tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức***	*2*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		
2	**Ý kiến của lãnh đạo HĐND tỉnh, MTTQVN tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo UBND huyện và CBCCVC của đơn vị đánh giá công tác CCHC của cơ quan, đơn vị**	**18**	
2.1	***Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.2	***Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.3	***Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.4	***Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri.***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 1		
2.5	***Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đánh giá Kết quả chỉ đạo, điều hành, Quy chế làm việc của UBND tỉnh, kết quả nhiệm vụ được giao của đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.6	***Đánh giá của lãnh đạo UBND tỉnh về tính kịp thời trong việc chủ trì hoặc phối hợp tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vấn đề, thủ tục liên quan được giao***	*1*	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.7	***Đánh giá về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (quy định rõ ràng, kịp thời, không mâu thuẫn, chồng chéo)***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.8	***Việc thực hiện Quy chế làm việc, quy chế phối hợp trong nội bộ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.9	***Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.10	***Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định của về quản lý CCVC trong nội bộ và đối với đơn vị trực thuộc***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.11	***Thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.12	***Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp xử lý công việc của cơ quan, đơn vị***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.13	***Tinh thần trách nhiệm của CBCCVC trong phối hợp, xử lý công việc***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.14	***Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi cá nhân***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.15	***Đánh giá về tác động của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị***	***1***	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.16	***Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.17	***Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.18	***Đánh giá về mức độ tuân thủ quy trình giải quyết công việc theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
III	**ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ**	**5**	
1	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**	
1.1	Hoàn thành việc tham mưu HĐND tỉnh ban hành chính sách theo quy định tại Khoản 4, Điều 28 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	1	
1.2	Rà soát chức năng, nhiệm vụ phát hiện chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp hoặc thực hiện tốt các quy định về sắp xếp tổ chức Bộ máy theo Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh	1	
1.3	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng tăng từ 1,5 lần trở lên so với mức tiền lương cơ sở	1	
1.4	Sáng kiến, cách làm mới mang lại hiệu quả CCHC được UBND tỉnh hoặc Tổ thẩm định công nhận	1	
1.5	Tỉ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 đạt từ 40% tổng hồ sơ tiếp nhận.	1	
2	**ĐIỂM TRỪ**	**-5**	
2.1	Thực hiện không tốt các nội dung về quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật hoặc do cơ quan cấp trên phát hiện.	-2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
2.2	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật hoặc bị cấp trên phát hiện về thái độ, hành vi nhũng nhiễu, sai phạm trong công vụ của CBCCVC trong đơn vị.	-1	
2.3	Thực hiện không tốt, chậm trễ các Báo cáo, công việc của UBND tỉnh	-1	
2.4	Thực hiện không tốt nhiệm vụ CCHC, dẫn đến giảm điểm các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT của tỉnh.	-1	
TỔNG ĐIỂM		**100**	

UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bảng 2

BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG CHO UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ban hành kèm theo Quyết định số 3241 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
I	**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH**	**65**	
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**12**	
1.1	**Xây dựng và thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm**	**2**	
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	1	
	Đúng quy định (trước 30/12 năm trước liền kề, đảm bảo đúng nội dung, đầy đủ các nhiệm vụ, thời gian, kết quả hoàn thành): 1		
	Đúng về thời gian hoặc đúng về nội dung: 0,5		
	Không đạt yêu cầu (cả thời gian và nội dung): 0		
1.1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	1	
	Thực hiện 100% nội dung kế hoạch đề ra: 1		
	Thực hiện từ 80% đến dưới 100%: [tỷ lệ %] x 1		
	Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0		
1.2	**Thực hiện báo cáo kết quả CCHC** *(Tất cả báo cáo CCHC đầy đủ số lượng, đảm bảo thời gian, các mục nội dung theo quy định của UBND tỉnh)*	**1**	
	Đạt yêu cầu (đúng thời gian, nội dung, số lượng): 1		
	Không đạt 1 trong 3 yêu cầu: 0,5		
	Không đạt từ 2 yêu cầu: 0		
1.3	**Thực hiện kiểm tra CCHC các Phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc có thực hiện các nhiệm vụ về công tác CCHC** *(gồm phòng chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã)*	**1,5**	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm	1	
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1		
	Dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
1.3.2	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0,5	
	Đạt: 0,5		
	Không đạt: 0		
1.4	**Tuyên truyền công tác CCHC đến công chức-viên chức và tổ chức, cá nhân**	**1**	
1.4.1	Mức độ đa dạng hình thức tuyên truyền CCHC	0,5	
	Từ 03 hình thức trở lên: 0,5		
	Dưới 03 hình thức: 0		
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	
	Thực hiện 100% kế hoạch: 0,5		
	Thực hiện dưới 100% kế hoạch: 0		
1.5	**Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện CCHC**	**5**	
1.5.1	Thực hiện mệnh lệnh hành chính cấp trên *(qua phần mềm chỉ đạo điều hành và kết quả theo dõi, tổng hợp của UBND tỉnh)*	2	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời 100% nhiệm vụ: 2		
	Thực hiện từ 50% đến dưới 100%: [tỷ lệ%] x 2		
	Thực hiện dưới 50%: 0		
1.5.2	Xử lý thông tin phản ánh trên Đường dây nóng của Lãnh đạo tỉnh *(thể hiện qua phần mềm và kết quả theo dõi, tổng hợp của UBND tỉnh)*	0,5	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời: 0		
1.5.3	Thực hiện quy chế tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định.	1	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 1		
	Thực hiện không đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
1.5.4	*Giải pháp về nhân sự CCHC:* có Quyết định kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP	0,5	
	Có: 0,5		
	Không: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
1.5.5	Có đưa nội dung cải cách hành chính để đánh giá, kiểm điểm trong các cuộc họp giao ban Quý định kỳ và được thông báo kết luận chỉ đạo bằng văn bản	0,5	
	Có: 0,5		
	Không: 0		
1.5.6	Niêm yết công khai và bố trí hợp lý, đầy đủ số điện thoại Đường dây nóng: *Lãnh đạo tỉnh, Cải cách hành chính tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp, TNMT, cơ quan...*	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện không tốt: 0		
1.6	**Triển khai một số chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC**	**1,5**	
1.6.1	Triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC	1	
	Triển khai đầy đủ, kịp thời (Tối đa 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản): 1		
	Không triển khai đầy đủ, kịp thời: 0		
1.6.2	Tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm về kết quả chỉ số đã công bố:	0,5	
	Có tổ chức quán triệt: 0.5		
	Không tổ chức quán triệt: 0		
2	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**6**	
2.1	**Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**	**1,5**	
2.1.1	Xây dựng văn bản QPPL được giao quy định đảm bảo đúng tiến độ về thời gian	1	
	100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1		
	Từ 80 đến dưới 100% số văn bản đúng tiến độ: 0,5		
	Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0		
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL đúng quy định của Luật ban hành văn bản QPPL	0,5	
	100% VBQPPL xây dựng đúng quy trình: 0,5		
	Dưới 100% VBQPPL xây dựng đúng quy trình: 0		
2.2	**Theo dõi thi hành pháp luật**	**1,5**	
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1	
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0		
2.2.2	Báo cáo và kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Không thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0		
2.3	**Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật**	**1**	
2.3.1	Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc địa bàn quản lý theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (xây dựng và thực hiện kế hoạch)	0,5	
	Thực hiện đầy đủ: 0,5		
	Thực hiện không đầy đủ: 0		
2.3.2	Phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập hoặc không còn phù hợp nếu có *(thể hiện bằng văn bản kiến nghị hoặc chỉ đạo xử lý)*	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
2.4	**Trách nhiệm tự kiểm tra việc ban hành, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật**	**1**	
	Tự kiểm tra và xử lý tốt: 1		
	Không tự kiểm tra, không phát hiện trong khi cơ quan cấp trên phát hiện sai sót: 0		
2.5	**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**	**1**	
2.5.1	Ban hành và triển khai thực hiện theo Kế hoạch của tỉnh	0,5	
	Có ban hành và triển khai: 0,5		
	Không ban hành hoặc không triển khai thực hiện: 0		
2.5.2	Báo cáo đầy đủ nội dung, đúng mẫu quy định (đầy đủ Phụ lục kèm theo) và đúng thời gian quy định	0,5	
	Báo cáo đạt yêu cầu: 0,5		
	Báo cáo không đạt yêu cầu: 0		
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**4,5**	
3.1	**Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)**	**2**	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1	
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1		
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0		
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1	
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
3.2	**Cập nhật kịp thời, công khai đầy đủ TTHC tại Trang thông tin điện tử của cơ quan và Bộ phận một cửa.**	**1**	
	Kịp thời: 1		
	Không kịp thời: 0		
3.3	**Đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ trong năm**	**0,5**	
	Có đơn giản hơn: 0,5		
	Giữ nguyên như quy định hiện hành: 0		
3.4	**Số lượng TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định và cập nhật nội dung trên phần mềm một cửa điện tử**	**1**	
	Từ 30% trở lên: 1		
	Dưới 30%: 0		
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**	**6**	
4.1	**Thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức Bộ máy, tổ chức Biên chế theo Kế hoạch và lộ trình tại Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnhvề kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII)**	**2**	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
4.2	**Thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức biên chế theo Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 28-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XII.**	**2**	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		
4.3	**Rà soát đánh giá thực hiện việc phân cấp ủy quyền hàng năm, có kiến nghị đề xuất việc phân cấp QLNN thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ**	**1**	
	Thực hiện đầy đủ các quy định (triển khai, kiểm tra, báo cáo..): 1		
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0		
4.4	**Thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính Phủ theo quy định**	**1**	
	Đạt yêu cầu: 1		
	Không đạt yêu cầu: 0		
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**11,5**	
5.1	**Đảm bảo quản lý, sử dụng biên chế, công chức-viên chức và lao động đúng quy định**	**7**	
5.1.1	Thực hiện tuyển dụng, bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và Khung năng lực công chức đã được phê duyệt, không có hợp đồng ngoài quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tuyển dụng, bố trí viên chức theo quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, không có hợp đồng ngoài quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.3	Thực hiện đầy đủ quy trình tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức; ký kết hợp đồng làm việc đối với đối tượng Hợp đồng theo Nghị định số 68 và 161 của Chính phủ	1	
	Thực hiện tốt: 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.4	Đăng ký nhu cầu tuyển dụng Công chức; xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyển dụng Viên chức khi còn biên chế	0,5	
	Có thực hiện: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
5.1.5	Thực hiện bố trí, cơ cấu trưởng phòng, phó trưởng phòng chuyên môn và tương đương đảm bảo quy định	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.6	Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương	1	
	100% được bổ nhiệm đúng quy định: 1		
	Dưới 100% được bổ nhiệm đúng quy định: 0		
5.1.7	Thực hiện quy định về đánh giá phân loại CCVC trong cơ quan, đơn vị	0,5	
	Thực hiện tốt: 0,5		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.8	Mức độ hoàn thành chỉ tiêu tinh giản biên chế trong năm theo lộ trình đã được UBND tỉnh phê duyệt	1	
	Hoàn thành 100%: 1		
	Hoàn thành dưới 100%: 0		
5.1.9	Xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác, luân chuyển trong cơ quan, đơn vị	0,5	
	Hoàn thành 100%: 0,5		
	Hoàn thành dưới 100%: 0		
5.2	**Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức**	**1,5**	
5.2.1	Xây dựng Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng, Kế hoạch mở lớp bồi dưỡng hàng năm kịp thời, đảm bảo chất lượng theo quy định	0,5	
	Đạt: 0,5		
	Chưa đạt: 0		
5.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch mở lớp bồi dưỡng đã được phê duyệt	1	
	Hoàn thành 100%: 1		
	Hoàn thành 80% đến dưới 100%: 0,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Hoàn thành dưới 80%: 0		
5.3	**Cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị bị vi phạm phải xử lý kỷ luật trong năm** *(trừ cấp xã trực thuộc)*	**1**	
	Không có: 1		
	Có: 0		
5.4	**Tỷ lệ đạt chuẩn đội ngũ Cán bộ, Công chức cấp xã thuộc huyện theo quy định**	**1,5**	
	Tỷ lệ đạt chuẩn đạt 100% :1,5		
	Tỷ lệ đạt từ 80% dưới 100%: 1		
	Tỷ lệ đạt chuẩn dưới 80% : 0		
5.5	**Tỷ lệ cập nhật phần mềm quản lý CBCCVC tại cơ quan, đơn vị**	**0,5**	
	Cập nhật đầy đủ 100%: 0,5		
	Cập nhật dưới 100%: 0		
6	**CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**	**5,5**	
6.1	**Thực hiện Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**	**1,5**	
6.1.1	Xây dựng Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	
	Có xây dựng các Quy chế: 0,5		
	Không xây dựng: 0		
6.1.2	Công khai ngân sách	0,5	
	Có thực hiện công khai: 0,5		
	Không thực hiện công khai: 0		
6.1.3	Công khai tài sản công	0,5	
	Có thực hiện công khai: 0,5		
	Không thực hiện công khai: 0		
6.2	**Thực hiện Công khai thu nhập cá nhân hàng năm đúng quy định**	**0,5**	
	Thực hiện đúng: 0,5		
	Thực hiện không đúng: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
6.3	**Kết quả chi thu nhập tăng thêm**	**1**	
	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng tăng từ 1 lần trở lên so với mức tiền lương cơ sở: 1		
	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng tăng từ 0,5 đến dưới 1 lần so với mức tiền lương cơ sở: 0,5		
	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng dưới 0,5 lần so với mức tiền lương cơ sở: 0		
6.4	**Báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ quan cấp trên**	**0,5**	
	Đúng hạn: 0,5		
	Không đúng hạn:0		
6.5	**Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**	**0,5**	
	Có xây dựng và triển khai hiệu quả: 0,5		
	Không xây dựng hoặc không triển khai hiệu quả: 0		
6.6	**Công khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.**	**0,5**	
	Có thực hiện: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
6.7	**Thực hiện thu ngân sách hàng năm đạt theo Kế hoạch được tỉnh giao** *(kết quả do Sở Tài chính thống kê)*	**1**	
	Đạt: 1		
	Không đạt: 0		
7	**HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**	**11**	
7.1	**Ứng dụng CNTT, Hiện đại hóa quản lý của cơ quan, đơn vị**	**9**	
	Sử dụng Kết quả Chỉ số Ứng dụng CNTT (ICT) do Sở Thông tin và Truyền Thông chấm và thẩm định, công bố hằng năm theo Bộ Tiêu chí ICT của tỉnh. *Điểm đạt được = (Điểm ICT x 9)/100*		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
7.2	**Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động quản lý hành chính**	**2**	
7.2.1	100% số thủ tục hành chính được xây dựng và áp dụng quy trình ISO	1	
	Đạt: 1		
	Chưa đạt: 0		
7.2.2	Công bố kịp thời, vận hành nghiêm túc quy trình đã công bố	1	
	Đạt: 1		
	Chưa đạt: 0		
8	**THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG**	**8,5**	
8.1	**Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông so với tổng số TTHC đã được công bố** *(kể cả TTHC ngành dọc theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 09/01/2020)*	**2**	
	Thực hiện 100%: 2		
	Từ 80% đến dưới 100%: 1		
	Dưới 80%: 0		
8.2	**Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo về chuyên môn, nội quy, nhận hồ sơ đúng quy định về thành phần, thời gian.**	**1**	
	Đạt yêu cầu: 1		
	Không đạt yêu cầu: 0		
8.3	**Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với dịch vụ hành chính công của đơn vị**	**1,5**	
8.3.1	Có xây dựng và triển khai Kế hoạch khảo sát, công khai kết quả đến tổ chức, cá nhân *(triển khai thực hiện theo mẫu phiếu khảo sát đối với từng hồ sơ theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh được tính là 01 hình thức)*	1	
	Thực hiện từ 2 hình thức trở lên và có kết quả tổng hợp: 1		
	Thực hiện dưới 2 hình thức: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
8.3.2	Tổ chức phổ biến, nhắc nhở rút kinh nghiệm hoặc thông báo bằng văn bản về kết quả góp ý	0,5	
	Có thực hiện: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
8,4	**Thời gian giải quyết hồ sơ đúng và trước hẹn**	**3**	
	Đúng và sớm hẹn đối với 100% hồ sơ: 3		
	Đúng và sớm hẹn từ 80% đến dưới 100% hồ sơ: [tỷ lệ%] x 3		
	Đúng và sớm hẹn dưới 80%: 0		
8,5	**Thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích** *(Riêng địa bàn huyện Côn Đảo 3%)*	**1**	
	Thực hiện từ 10% số hồ sơ phát sinh: 1		
	Thực hiện dưới 10% số hồ sơ phát sinh: [tỷ lệ %] x 1		
II	**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - ĐIỀU TRA KHẢO SÁT XÃ HỘI HỌC**	**35**	
1	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)**	**17**	
1.1	***Tiếp cận Dịch vụ (đánh giá tiện nghi Bộ phận một cửa, Website, BCCI,..)***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.2	***Sự hài lòng của tổ chức, công dân về TTHC của đơn vị (thành phần hồ sơ, lệ phí, thời gian)***	*2*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		
1.3	***Tinh thần trách nhiệm của CBCCVC tiếp nhận, hướng dẫn và trả kết quả***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.4	***Sự hài lòng của người dân về kết quả giải quyết TTHC (đúng thời gian, đúng kết quả, cảm nhận sự thay đổi)***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.5	***Sự hài lòng của người dân về cơ sở vật chất trường học, trung tâm văn hóa, thể thao, thư viện, an ninh trật tự, chất lượng nguồn nước, môi trường trên địa bàn huyện***	*3*	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.6	***Tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức***	***3***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
2	**Ý kiến đánh giá của đội ngũ, cán bộ công chức đối với đơn vị (lãnh đạo HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBND cấp xã, CBCC của đơn vị,…)**	**18**	
2.1	***Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.2	***Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.3	***Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.4	***Đánh giá của đại biểu HĐND tỉnh, MTTQVN về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri.***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.5	***Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đánh giá Kết quả chỉ đạo, điều hành, Quy chế làm việc của UBND tỉnh, kết quả nhiệm vụ được giao của đơn vị***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.6	***Đánh giá của lãnh đạo UBND tỉnh về tính kịp thời trong việc chủ trì hoặc phối hợp tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vấn đề, thủ tục liên quan được giao***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.7	***Đánh giá về văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (quy định rõ ràng, kịp thời, không mâu thuẫn, chồng chéo)***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.8	***Việc thực hiện Quy chế làm việc, quy chế phối hợp trong nội bộ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
2.9	***Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.10	***Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định của về quản lý CCVC trong nội bộ và đối với đơn vị trực thuộc***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.11	***Thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.12	***Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp xử lý công việc của cơ quan, đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.13	***Tinh thần trách nhiệm của CBCCVC trong phối hợp, xử lý công việc***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.14	***Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi cá nhân***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.15	***Đánh giá về tác động của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức ([tỷ lệ % hài lòng]/100% x 1đ)		
2.16	***Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.17	***Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.18	***Đánh giá về mức độ tuân thủ quy trình giải quyết công việc theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
III	**ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ**	**5**	
1	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
1.1	Thực hiện thu ngân sách hàng năm vượt 10% so với Kế hoạch được tỉnh giao *(kết quả do Sở Tài chính thống kê)*	1	
1.2	Rà soát chức năng, nhiệm vụ phát hiện chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp	1	
1.3	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng tăng từ 1,5 lần trở lên so với mức tiền lương cơ sở	1	
1.4	Sáng kiến, cách làm hay mang lại hiệu quả CCHC được UBND tỉnh hoặc Tổ thẩm định công nhận	1	
1.5	Tỉ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3, 4 đạt từ 40% tổng hồ sơ tiếp nhận.	1	
2	**ĐIỂM TRỪ**	**-5**	
2.1	Thực hiện không tốt các nội dung về quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật hoặc do cơ quan cấp trên phát hiện.	-2	
2.2	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật hoặc bị cấp trên phát hiện về thái độ, hành vi nhũng nhiễu, sai phạm trong công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị.	-1	
2.3	Thực hiện không tốt các nhiệm vụ, chậm trễ các Báo cáo của UBND tỉnh	-1	
2.4	Thực hiện không tốt nhiệm vụ CCHC, góp phần làm giảm điểm các chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT của tỉnh.	-1	
	TỔNG ĐIỂM	**100**	

UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bảng 3

BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG CHO UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ban hành kèm theo Quyết định số 3241 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
I	**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH**	**65**	
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**	**16**	
1.1	**Xây dựng và thực hiện Kế hoạch CCHC hàng năm**	**2**	
1.1.1	Ban hành Kế hoạch CCHC	1	
	Đúng quy định (trước 30/12 năm trước liền kề, đảm bảo đúng nội dung, đầy đủ các nhiệm vụ, thời gian, kết quả hoàn thành): 1		
	Đúng về thời gian hoặc hoặc đúng về nội dung: 0,5		
	Không đạt yêu cầu (cả thời gian lẫn nội dung): 0		
1.1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	1	
	Thực hiện 100% nội dung kế hoạch đề ra: 1		
	Thực hiện từ 80% đến dưới 100%: [tỷ lệ %] x 1		
	Thực hiện dưới 80% kế hoạch: 0		
1.2	**Thực hiện báo cáo kết quả CCHC** *(Tất cả báo cáo CCHC đầy đủ số lượng, đảm bảo thời gian, các mục nội dung theo quy định của UBND tỉnh)*	1	
	Đạt yêu cầu (đúng thời gian, nội dung, số lượng): 1		
	Không đạt 1 trong 3 yêu cầu: 0,5		
	Không đạt từ 2 yêu cầu: 0		
1.3	**Tuyên truyền công tác CCHC đến cán bộ-công chức và tổ chức, cá nhân**	**2**	
1.3.1	Mức độ đa dạng hình thức tuyên truyền CCHC	1	
	Từ 2 hình thức trở lên: 1		
	Dưới 2 hình thức: 0		
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	
	Thực hiện 100% kế hoạch: 1		
	Thực hiện dưới 100% kế hoạch: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
1.4	**Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện CCHC**	**8**	
1.4.1	Hoàn thành chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội do UBND huyện giao	2	
	Đạt 100%: 2		
	Đạt từ 80% đến dưới 100%: 1		
	Đạt dưới 80% : 0		
1.4.2	Thực hiện mệnh lệnh hành chính của UBND cấp trên	1	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời 100% nhiệm vụ: 1		
	Thực hiện từ 80% đến dưới 100%: 0,5		
	Thực hiện dưới 80% : 0		
1.4.3	Thực hiện quy trình tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của UBND huyện	1	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 1		
	Thực hiện không đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Không thực hiện: 0		
1.4.4	*Giải pháp về nhân sự:* Có văn bản phân công Lãnh đạo, công chức phụ trách CCHC, công chức Bộ phận một cửa đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo quy định *(kiện toàn đúng Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)*	1	
	Có: 1		
	Không: 0		
1.4.5	Có đưa nội dung cải cách hành chính để đánh giá, kiểm điểm trong các cuộc họp giao ban Quý định kỳ và được thông báo kết luận chỉ đạo bằng văn bản	1	
	Có: 1		
	Không: 0		
1.4.6	Niêm yết công khai và bố trí hợp lý, đầy đủ số điện thoại Đường dây nóng: Lãnh đạo tỉnh, Cải cách hành chính tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp, TNMT, cơ quan…	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện không tốt: 0		
1.4.7	Niêm yết công khai, đầy đủ: Danh sách hộ nghèo, Quy hoạch sử dụng đất, thu chi tài chính đúng quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Thực hiện không tốt: 0		
1.5	**Triển khai một số chỉ đạo của UBND tỉnh về Cải cách hành chính**	**2**	
1.5.1	Triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về CCHC	1	
	Triển khai đầy đủ, kịp thời (Tối đa 45 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành văn bản) : 1		
	Không triển khai đầy đủ, kịp thời: 0		
1.5.2	Xử lý thông tin phản ánh trên Đường dây nóng của lãnh đạo tỉnh *(thể hiện qua phần mềm và kết quả theo dõi, tổng hợp của UBND tỉnh)*	0,5	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 0,5		
	Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời: 0		
1.5.3	Tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm về kết quả chỉ số đã công bố:	0,5	
	Có tổ chức quán triệt: 0,5		
	Không tổ chức quán triệt: 0		
1.6	**Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả chính quyền địa phương, chỉ số SIPAS, chỉ số PAPI theo chỉ đạo cấp trên**	**1**	
	Có thực hiện :1		
	Không thực hiện :0		
2	**CẢI CÁCH THỂ CHẾ**	**5**	
2,1	**Theo dõi thi hành pháp luật**	**3**	
2.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1	
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1		
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch : 0,5		
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0		
2.1.2	Báo cáo và kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời: 1		
	Thực hiện không đầy đủ, kịp thời: 0		
2.1.3	Phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề bất cập hoặc không còn phù hợp (nếu có) *(thể hiện bằng văn bản kiến nghị hoặc chỉ đạo xử lý)*	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
2.2	**Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc địa bàn quản lý theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP** *(thể hiện bằng việc xây dựng và thực hiện kế hoạch)*	**1**	
	Thực hiện tốt:1		
	Thực hiện không tốt: 0		
2.3	**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**	**1**	
2.3.1	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch theo Kế hoạch của tỉnh	0,5	
	Có ban hành và triển khai: 0,5		
	Không ban hành hoặc không triển khai thực hiện: 0		
2.3.2	Báo cáo đầy đủ nội dung, đúng mẫu quy định *(đầy đủ Phụ lục kèm theo)* và đúng thời gian quy định	0,5	
	Báo cáo đạt yêu cầu: 0,5		
	Báo cáo không đạt yêu cầu: 0		
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**	**4**	
3.1	**Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)**	**2**	
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1	
	Hoàn thành 100% kế hoạch:1		
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch : 0,5		
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch:0		
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1	
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1		
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0		
3.2	**Cập nhật kịp thời, công khai đầy đủ TTHC tại Bộ phận một cửa**	**1**	
	Kịp thời: 1		
	Không kịp thời: 0		
3.3	**Số lượng TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định và thực hiện cập nhật nội dung trên phần mềm một cửa điện tử**	**1**	
	Từ 30% trở lên: 1		
	Dưới 30%: 0		
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY**	**4,5**	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
4.1	**Thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố**	2	
	Đảm bảo số lượng cán bộ, công chức theo quy định: 2		
	Không đúng quy định: 0		
4.2	**Thực hiện tốt Quy chế hoạt động thôn, ấp, khu phố, khu dân cư, tổ dân cư trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 và Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 sửa đổi Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh.**	**1**	
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 1		
	Không thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0		
4.3	**Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giải quyết công việc giữa các bộ phận với nhau và với khu phố, thôn, ấp**	**1**	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
4.4	**Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định**	0,5	
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 0,5		
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0		
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC**	**8,5**	
5.1	**Đảm bảo quản lý, sử dụng biên chế, cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách đúng theo quy định**	**3**	
5.1.1	Thực hiện bố trí CBCC và người hoạt động không chuyên trách theo đúng quy định về tiêu chuẩn chức danh	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.1.2	Báo cáo thực hiện quản lý số lượng, chất lượng CBCC, người hoạt động không chuyên trách hàng năm đúng hạn và đầy đủ nội dung quy định	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
5.1.3	Thực hiện quy định về đánh giá phân loại CBCC, người hoạt động không chuyên trách trong cơ quan, đơn vị	1	
	Thực hiện tốt: 1		
	Thực hiện chưa tốt: 0		
5.2	**Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách**	**2**	
5.2.1	Xây dựng Kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng hàng năm kịp thời, đảm bảo chất lượng	1	
	Đạt yêu cầu: 1		
	Chưa đạt yêu cầu: 0		
5.2.2	Cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Văn bản triệu tập của cơ quan cấp trên	1	
	Hoàn thành 100%: 1		
	Hoàn thành 80% đến dưới 100%: 0,5		
	Hoàn thành dưới 80%: 0		
5.3	**Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách thuộc thẩm quyền quản lý bị vi phạm phải xử lý kỷ luật trong năm**	**1**	
	Không có: 1		
	Có: 0		
5.4	**Tỷ lệ cập nhật phần mềm quản lý CBCC tại cơ quan, đơn vị**	**0,5**	
	Cập nhật đầy đủ 100%: 0,5		
	Cập nhật dưới 100%: 0		
5.5	**Tỷ lệ đạt chuẩn của đội ngũ cán bộ, công chức tại đơn vị**	2	
	Tỷ lệ đạt chuẩn đạt 100% : 2		
	Tỷ lệ đạt chuẩn từ 80 đến dưới 100%: 1		
	Tỷ lệ đạt chuẩn dưới 80% : 0		
6	**CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**	**6**	
6.1	**Thực hiện Quy chế dân chủ; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**	**1**	
	Có thực hiện công khai: 1		
	Không thực hiện công khai: 0		
6.2	**Công khai thu nhập cá nhân theo đúng quy định**	**0,5**	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0,5		
	Không tốt: 0		
6.3	**Kết quả chi thu nhập tăng thêm**	**1,5**	
	Trung bình hàng tháng tăng từ 0,3 lần trở lên so với tiền lương cơ sở: 1,5		
	Trung bình hàng tháng tăng từ 0,1 đến dưới 0,3 lần so với tiền lương tiền lương cơ sở: 1		
	Trung bình hàng tháng dưới 0,1 lần so với tiền lương tiền lương cơ sở: 0		
6.4	**Báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ quan cấp trên**	**1**	
	Đúng hạn: 1		
	Không đúng hạn:0		
6.5	**Công khai Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí.**	**1**	
	Có thực hiện: 1		
	Không thực hiện: 0		
6.6	**Thực hiện công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã; chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách**	**1**	
	Có thực hiện: 1		
	Không thực hiện: 0		
7	**HIỆN ĐẠI HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**	**11**	
7.1	**Ứng dụng CNTT, Hiện đại hóa quản lý của cơ quan, đơn vị**	**9**	
	Sử dụng Kết quả Chỉ số Ứng dụng CNTT (ICT) do Sở Thông tin và Truyền Thông chấm và thẩm định, công bố hằng năm theo Bộ Tiêu chí ICT của tỉnh. *Điểm đạt được = (Điểm ICT x 9)/100*		
7.2	**Áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động quản lý hành chính**	**2**	
7.2.1	100% số thủ tục hành chính được xây dựng và áp dụng quy trình ISO	1	
	Đạt: 1		
	Chưa đạt: 0		
7.2.2	Công bố kịp thời, vận hành nghiêm túc quy trình đã công bố	1	
	Đạt: 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Chưa đạt: 0		
8	**THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG**	**10**	
8.1	**Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông so với tổng số TTHC đã được công bố** *(trừ một số TTHC không thực hiện tại BPMC theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP)*	**2**	
	Thực hiện 100%: 2		
	Từ 80% đến dưới 100%: 1		
	Dưới 80%: 0		
8.2	**Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo về chuyên môn, nội quy, nhận hồ sơ đúng quy định về thành phần, thời gian**	**1**	
	Đạt yêu cầu: 1		
	Không đạt yêu cầu: 0		
8.3	**Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với dịch vụ hành chính công của đơn vị** *(triển khai thực hiện theo mẫu phiếu khảo sát đối với từng hồ sơ theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh được tính là 01 hình thức)*	**2**	
8.3.1	Có xây dựng, thực hiện Kế hoạch khảo sát và công khai đến tổ chức, cá nhân	1	
	Thực hiện từ 2 hình thức trở lên và có kết quả tổng hợp: 1		
	Thực hiện dưới 2 hình thức: 0		
8.3.2	Tổ chức phổ biến, nhắc nhở rút kinh nghiệm hoặc thông báo bằng văn bản về kết quả góp ý	1	
	Có thực hiện: 1		
	Không thực hiện: 0		
8.4	**Thời gian giải quyết hồ sơ đúng và trước hẹn**	3	
	Đúng và sớm hẹn đối với 100% hồ sơ: 3		
	Đúng và sớm hẹn từ 80% đến dưới 100% hồ sơ: [tỷ lệ%] x 3		
	Đúng và sớm hẹn dưới 80%: 0		
8.5	**Bố trí bảng tên Bộ phận; các quầy giao dịch; ghế ngồi, nước uống và các trang thiết bị khác đúng quy định; đảm bảo bộ TTHC được niêm yết khoa học, dễ tra cứu**	**1**	
	Thực hiện tốt: 1		
	Không thực hiện tốt: 0		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
8.6	**Có triển khai một hình thức, giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cơ quan** *(tương tác tuyên truyền qua Facebook, Zalo; thực hiện thư chúc mừng, thư chia buồn; nhắn tin, gọi điện thông báo tình trạng hồ sơ,...)*	**1**	
	Có triển khai: 1		
	Không triển khai: 0		
II	**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - ĐIỀU TRA KHẢO SÁT XÃ HỘI HỌC**	**35**	
1	**Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)**	**17**	
1.1	***Tiếp cận Dịch vụ (Đánh giá tiện nghi Bộ phận một cửa, BCCI,..)***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.2	***Sự hài lòng của tổ chức, công dân về TTHC của đơn vị (thành phần hồ sơ, lệ phí, thời gian)***	*2*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		
1.3	***Tinh thần trách nhiệm của CBCCVC tiếp nhận, hướng dẫn và trả kết quả***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.4	***Sự hài lòng của người dân về kết quả giải quyết TTHC (đúng thời gian, đúng kết quả, cảm nhận sự thay đổi)***	*4*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 4		
1.5	***Sự hài lòng của người dân về chất lượng giải trình kiến nghị, cung cấp thông tin quy hoạch sử dụng đất, hộ nghèo, thu chi tài chính, chất lượng của nguồn nước, môi trường, an ninh trật tự trên địa bàn xã***	*3*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 3		
1.6	***Tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức***	*2*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ %] x 2		
2	**Ý kiến đánh giá của đội ngũ, cán bộ công chức đối với đơn vị (lãnh đạo HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBND cấp xã, CBCC của đơn vị,...)**	**18**	
2.1	***Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVC***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.2	***Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
2.3	***Kết quả thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại tố cáo của đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.4	***Đánh giá của đại biểu HĐND huyện, MTTQVN huyện về chất lượng quản lý điều hành, việc giải quyết các ý kiến của cử tri.***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.5	***Thường trực HĐND huyện, UBND huyện đánh giá Kết quả chỉ đạo, điều hành, Quy chế làm việc của UBND huyện, kết quả nhiệm vụ được giao của đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.6	***Hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.7	***Đánh giá về văn bản chỉ đạo điều hành và văn bản quản lý chỉ đạo điều hành do đơn vị ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành (quy định rõ ràng, kịp thời, không mâu thuẫn, chồng chéo)***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.8	***Việc thực hiện Quy chế làm việc, quy chế phối hợp trong nội bộ của cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.9	***Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.10	***Triển khai đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định của về quản lý CCVC trong nội bộ và đối với đơn vị trực thuộc***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.11	***Thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.12	***Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp xử lý công việc của cơ quan, đơn vị***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.13	***Tinh thần trách nhiệm của CBCCVC trong phối hợp, xử lý công việc***	*1*	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.14	***Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi cá nhân***	*1*	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.15	***Đánh giá về tác động của việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.16	***Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.17	***Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
2.18	***Đánh giá về mức độ tuân thủ quy trình giải quyết công việc theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO***	***1***	
	Tính theo công thức = [tỷ lệ % hài lòng] x 1		
III	**ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ**	**5**	
1	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**	
1.1	Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các TTHC ngành dọc tại Bộ phận một cửa theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh.	1	
1.2	Kết quả chi thu nhập tăng thêm bình quân 1 người/tháng tăng từ 01 lần trở lên so với mức tiền lương cơ sở	1	
1.3	Sáng kiến, cách làm hay mang lại hiệu quả CCHC được UBND tỉnh hoặc Tổ thẩm định công nhận	1	
1.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3 phát sinh 20% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận: 1 điểm; tiếp nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích đạt 05% tổng số hồ sơ phát sinh: 1 điểm.	2	
2	**ĐIỂM TRỪ**	**-5**	
2.1	Thực hiện không tốt các nội dung về quản lý để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật hoặc do cơ quan cấp trên phát hiện.	-2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Ghi chú
2.2	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật hoặc bị cấp trên phát hiện về thái độ, hành vi nhũng nhiễu, sai phạm trong công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị.	-1	
2.3	Thực hiện không tốt các nhiệm vụ, chậm trễ các Báo cáo của UBND tỉnh; hoặc góp phần làm giảm điểm chỉ số CCHC của tỉnh	-1	
2.4	Tỉnh ủy, UBND tỉnh hoặc Huyện ủy, UBND huyện phê bình trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, công việc tại địa phương	-1	
TỔNG ĐIỂM		**100**	